

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 - DN)	6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 - DN)	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 - DN)	9
Thuyết minh các báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 - DN)	10

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

### THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

#### Giấy Chứng nhận

**Đăng ký Doanh nghiệp** Mã số doanh nghiệp 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 1 tháng 4 năm 2008. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp được sửa đổi lần gần nhất vào ngày 22 tháng 8 năm 2014.

*Tại ngày ký các báo cáo tài chính này:*

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Phạm Công Đoàn	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2016)
	Ông Phạm Ngọc Tuấn	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22 tháng 12 năm 2016)
	Ông Bùi Quang Đạo	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Hưng	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Đỗ Ngọc Khanh	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016)
	Ông Nguyễn Anh Dũng	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016)
	Ông Phùng Xuân Dũng	Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Bà Phạm Thị Tâm	Thành viên
	Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quốc Hưng	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Đinh Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Hoàng Trọng Tùng	Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Quách Đình Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Bùi Quang Đạo	Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở chính</b>	Số 1, Đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	
<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam	

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh ("Công ty") chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập các báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở soạn lập các báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn các báo cáo tài chính đính kèm từ trang 6 đến trang 39. Các báo cáo tài chính này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc

Quảng Ninh, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2017. Các báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh các báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 6 đến trang 39.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

### Trích lập quỹ dự phòng tiền lương:

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty trích lập quỹ dự phòng tiền lương với giá trị lần lượt là 17.803.149.776 VNĐ và 8.399.454.817 VNĐ. Mục đích của quỹ dự phòng tiền lương là để chi trả cho người lao động trong năm sau trong trường hợp có sự suy giảm về doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến suy giảm quỹ tiền lương thực hiện. Trong tổng số quỹ dự phòng tiền lương tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 17.803.149.776 VNĐ, Công ty đã thực tế sử dụng 486.393.657 VNĐ, và phần còn lại là 17.316.756.119 VNĐ đã được hoàn nhập trong năm 2016. Tổng số quỹ dự phòng tiền lương được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 8.399.454.817 VNĐ sẽ được sử dụng hoặc nếu không sử dụng hết sẽ hoàn nhập trong năm 2017.

Việc trích lập quỹ dự phòng tiền lương này là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*, và với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam do đây là các nghĩa vụ tài chính chỉ phát sinh trong tương lai. Nếu việc trích lập quỹ dự phòng tiền lương được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam thì:

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, số dư dự phòng phải trả ngắn hạn sẽ giảm đi 8.399.454.817 VNĐ, số dư thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ tăng thêm 1.679.890.963 VNĐ và lợi nhuận lũy kế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng thêm 6.719.563.854 VNĐ; và
- Chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng thêm 9.403.694.959 VNĐ, dẫn đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm đi lần lượt là 1.880.738.992 VNĐ và 7.522.955.967 VNĐ.

### Dự phòng trợ cấp thôi việc:

Trước năm 2016, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Trong năm 2016, Ban Tổng Giám đốc Công ty áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng* và ghi nhận phi hồi tố toàn bộ khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 9.502.496.000 VNĐ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Điều này là chưa phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 - *Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót*. Theo đó, khi chính sách kế toán thay đổi, doanh nghiệp phải điều chỉnh hồi tố số dư đầu kỳ và các thông tin so sánh liên quan. Nếu Công ty áp dụng hồi tố việc ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động thì số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động đã phải lập tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 là 9.779.390.125 VNĐ, dẫn đến chi phí nhân công và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại trong báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm đi tương ứng là 9.779.390.125 VNĐ và 1.955.878.025 VNĐ, và lợi nhuận sau thuế sẽ tăng thêm là 7.823.512.100 VNĐ.

## **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



### Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do kiểm toán viên khác kiểm toán và đã phát hành ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần vào ngày 4 tháng 3 năm 2016.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Trần Hồng Kiên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0298-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền

Đỗ Đức Hậu  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2591-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1756  
Hà Nội, ngày 13 tháng 4 năm 2017

Như đã nêu trong Thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2016	31.12.2015
			VND	Trình bày lại – Thuyết minh 42 VND
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>199.746.224.477</b>	<b>159.325.612.349</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	8.307.813.315	70.440.509.206
111	Tiền		8.307.813.315	35.440.509.206
112	Các khoản tương đương tiền		-	35.000.000.000
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	80.000.000.000	-
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.000.000.000	-
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		56.167.560.440	36.399.027.082
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	60.819.219.316	35.757.551.809
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.747.530.435	10.471.544.137
136	Phải thu ngắn hạn khác	7	5.474.955.256	1.419.352.954
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(13.874.144.567)	(11.249.421.818)
140	Hàng tồn kho	9	47.338.598.155	50.496.931.836
141	Hàng tồn kho		50.336.834.444	50.496.931.836
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.998.236.289)	-
150	Tài sản ngắn hạn khác		7.932.252.567	1.989.144.225
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	10(a)	1.145.431.232	-
152	Thuế GTGT được khấu trừ		-	1.970.896.225
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	6.786.821.335	18.248.000
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>501.100.541.763</b>	<b>481.209.015.914</b>
220	Tài sản cố định		301.109.055.065	334.513.882.113
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	299.116.461.061	331.996.496.453
222	Nguyên giá		614.105.340.694	611.094.629.149
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(314.988.879.633)	(279.098.132.696)
227	Tài sản cố định vô hình	12(b)	1.992.594.004	2.517.385.660
228	Nguyên giá		4.050.000.000	4.050.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.057.405.996)	(1.532.614.340)
240	Tài sản dở dang dài hạn		35.105.954.158	21.619.025.922
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	35.105.954.158	21.619.025.922
250	Đầu tư tài chính dài hạn	14	157.849.702.000	120.388.295.166
252	Đầu tư vào công ty liên kết		2.207.213.772	2.207.213.772
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		191.650.119.394	144.731.681.394
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(36.007.631.166)	(26.550.600.000)
260	Tài sản dài hạn khác		7.035.830.540	4.687.812.713
261	Chi phí trả trước dài hạn	10(b)	5.135.331.340	4.687.812.713
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25	1.900.499.200	-
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>700.846.766.240</b>	<b>640.534.628.263</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2016	31.12.2015
			VND	Trình bày lại – Thuyết minh 42 VND
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>143.228.136.517</b>	<b>101.191.211.753</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>133.725.640.517</b>	<b>101.191.211.753</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	15	28.134.792.960	19.440.523.578
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.815.932.152	19.946.554.255
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	17	11.836.776.023	7.683.353.643
314	Phải trả người lao động	18	29.478.901.289	25.770.574.985
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	19	1.985.682.213	-
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	3.426.986.920	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	21	44.325.158.097	9.436.243.455
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	8.399.454.817	17.803.149.776
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	3.321.956.046	1.110.812.061
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>9.502.496.000</b>	<b>-</b>
342	Dự phòng phải trả dài hạn	24	9.502.496.000	-
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>557.618.629.723</b>	<b>539.343.416.510</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>557.618.629.723</b>	<b>539.343.416.510</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	26,27	500.499.360.000	500.499.360.000
421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27	57.119.269.723	38.844.056.510
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		-	2.215.507.231
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		57.119.269.723	36.628.549.279
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>700.846.766.240</b>	<b>640.534.628.263</b>

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Phạm Quang Trường  
Phó phòng kế toán




Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
01	Doanh thu cung cấp dịch vụ	416.203.792.857	421.015.829.171
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	416.203.792.857	421.015.829.171
11	Giá vốn hàng bán	(284.574.175.055)	(306.248.462.214)
20	Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ	131.629.617.802	114.767.366.957
21	Doanh thu hoạt động tài chính	1.890.703.298	3.382.951.537
22	Chi phí tài chính	(9.755.386.329)	(9.123.166.431)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-	(346.030.001)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(58.109.834.054)	(62.451.284.281)
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	65.655.100.717	46.575.867.782
31	Thu nhập khác	5.975.550.295	2.631.721.271
32	Chi phí khác	(74.120.649)	(2.246.183.300)
40	Lợi nhuận khác	5.901.429.646	385.537.971
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	71.556.530.363	46.961.405.753
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(16.337.759.840)	(10.332.856.474)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.900.499.200	-
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	57.119.269.723	36.628.549.279
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.141	656

  
 Nguyễn Thị Quỳnh  
 Người lập

  
 Phạm Quang Trường  
 Phó phòng kế toán

  
  
 Bùi Quang Đạo  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
01	Tiền thu từ cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	403.010.900.497	482.547.702.754
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(141.900.739.462)	(116.237.488.928)
03	Tiền chi trả cho người lao động	(92.732.944.012)	(99.385.810.206)
04	Tiền lãi vay đã trả	-	(346.030.001)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(13.762.142.773)	(4.468.107.620)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	10.278.321.401	1.941.388.544
07	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(45.376.804.238)	(79.601.390.505)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>119.516.591.413</b>	<b>184.450.264.038</b>
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	(20.807.467.612)	(7.186.766.336)
23	Chi cho vay các đơn vị khác	(115.500.000.000)	-
24	Thu hồi cho vay các đơn vị khác	35.500.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(46.918.438.000)	(110.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay	1.043.489.827	2.197.541.365
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(146.682.415.785)</b>	<b>(114.989.224.971)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
33	Tiền thu từ đi vay	-	7.050.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay	-	(13.050.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	(34.974.880.043)	(4.454.316.167)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(34.974.880.043)</b>	<b>(10.454.316.167)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(62.140.704.415)</b>	<b>59.006.722.900</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	3 70.440.509.206	11.121.670.616
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	8.008.524	312.115.690
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3 8.307.813.315</b>	<b>70.440.509.206</b>

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Phạm Quang Trường  
Phó phòng kế toán



Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc  
Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh, tiền thân là Công ty TNHH một thành viên Cảng Quảng Ninh, được chuyển thành công ty cổ phần theo đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty Cổ phần, Mã số doanh nghiệp 5700100231.

Tổng số cổ phần của Công ty là 50.049.936 cổ phần với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa: xếp dỡ, bảo quản hàng hóa; chuyển tải hàng hóa tại khu vực cảng (không bao gồm ngành bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Chi tiết: đại lý bán lẻ xăng dầu);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa: kinh doanh dịch vụ kho bãi (trừ kinh doanh bất động sản);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: dịch vụ hàng hải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: giao nhận hàng hóa; kinh doanh dịch vụ logistic (không bao gồm hoạt động dịch vụ hỗ trợ cho vận tải hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty bao gồm:

- Xí nghiệp xếp dỡ Cái Lân;
- Xí nghiệp cơ giới Hạ Long (tên trước đây là Xí nghiệp xếp dỡ Hạ Long);
- Xí nghiệp sửa chữa và vận tải (tên trước đây là Xí nghiệp sửa chữa cơ khí và vận tải thủy bộ);
- Xí nghiệp giao nhận và kho bãi (tên trước đây là Xí nghiệp giao nhận kinh doanh kho bãi); và
- Trung tâm điều độ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 823 nhân viên (31 tháng 12 năm 2015: 874 nhân viên).

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**2.1 Cơ sở của việc lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VNĐ").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.5 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

**2.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.7 Đầu tư**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

**(b) Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty đã dự đoán từ khi đầu tư.

**2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	4,0% - 20,0%
Máy móc, thiết bị	5,0% - 33,3%
Phương tiện vận tải	3,3% - 16,7%
Thiết bị quản lý	10,0% - 33,3%
Phần mềm	10,0% - 33,3%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.8 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua sắm/xây dựng tài sản và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Khấu hao của những tài sản này cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.9 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian phân bổ ước tính.

**2.11 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.12 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.13 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**2.14 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Trước năm 2016, Công ty không ghi nhận dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Công ty thực hiện việc ghi nhận phi hồi tố dự phòng trợ cấp thôi việc từ ngày 1 tháng 1 năm 2016.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.16 Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

**2.17 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.18 Phân chia lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong các báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

**2.19 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(b) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(c) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.20 Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại và giảm giá dịch vụ. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với dịch vụ cung cấp trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

**2.21 Giá vốn cung cấp dịch vụ**

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

**2.22 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí góp vốn liên kết, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**2.23 Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, chủ yếu là chi phí cho hoạt động quảng cáo và quan hệ công chúng.

**2.24 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

**2.25 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.25 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.26 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.27 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Tiền mặt	170.050.685	985.362.031
Tiền gửi ngân hàng	8.137.762.630	34.455.147.175
Các khoản tương đương tiền (*)	-	35.000.000.000
	<u>8.307.813.315</u>	<u>70.440.509.206</u>

(\*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,2%/năm.

**4 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b)) (*)	<u>80.000.000.000</u>	<u>-</u>

(\*) Đây là khoản ký gửi vốn vào Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T ("Tập đoàn T&T") theo hợp đồng hợp tác Số 01/2016/CQN-TT đề ngày 24 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và Tập đoàn T&T, theo đó Công ty gửi tiền nhân rồi cho Tập đoàn T&T quản lý. Khi có nhu cầu sử dụng Công ty sẽ gửi thông báo cho Tập đoàn T&T; Tập đoàn T&T khi đó sẽ chuyển số tiền yêu cầu cho Công ty hoặc thay mặt Công ty thanh toán cho bên thứ ba. Khoản ký gửi vốn được hưởng lãi suất như lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Bên thứ ba (*)	59.406.622.145	35.757.551.809
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b))	1.412.597.171	-
	<u>60.819.219.316</u>	<u>35.757.551.809</u>

(\*) Chi tiết khách hàng chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải thu khách hàng:

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng Hải Quảng Ninh (VOSA Quảng Ninh)	<u>18.639.743.097</u>	<u>311.512.143</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>31.12.2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2015</b> <b>VNĐ</b>
Bên thứ ba	<u>3.747.530.435</u>	<u>10.471.544.137</u>

Chi tiết cho các nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng trả trước cho người bán:

	<b>31.12.2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2015</b> <b>VNĐ</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	990.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	642.071.635	492.071.635
Công ty TNHH Tân Quang Minh	620.882.140	620.882.140
Công ty CP dịch vụ thiết bị năng lượng	492.459.000	-

**7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31.12.2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2015</b> <b>VNĐ</b>
Bên thứ ba:		
Tạm ứng	1.323.738.491	872.206.736
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.100.000.000	-
Phải thu khác	1.402.438.987	547.146.218
	<u>4.826.177.478</u>	<u>1.419.352.954</u>
Bên liên quan (Thuyết minh 39(b)): Lãi phải thu	648.777.778	-
	<u>5.474.955.256</u>	<u>1.419.352.954</u>

**8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<b>31.12.2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>31.12.2015</b> <b>VNĐ</b>
Dự phòng phải thu khách hàng	13.367.763.347	11.249.421.818
Dự phòng phải thu khác	506.381.220	-
	<u>13.874.144.567</u>	<u>11.249.421.818</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (TIẾP THEO)

Chi tiết khách hàng có nợ quá hạn và trong dự phòng phải thu khó đòi:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị có thể thu hồi được VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị có thể thu hồi được VNĐ
Phải thu khách hàng:						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	5.857.032.614	(5.857.032.614)	-	5.857.032.614	(5.857.032.614)	-
Công ty TNHH Bunge Agribusiness Singapore PTE	3.198.004.493	(1.375.803.239)	1.822.201.254	3.703.195.299	-	3.703.195.299
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Nặng Cửu Long	2.800.424.000	(2.800.424.000)	-	2.800.424.000	(1.960.296.800)	840.127.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Cửu Long Vinashin	1.216.847.009	(1.216.847.009)	-	1.716.847.009	(1.226.466.349)	490.380.660
Các khách hàng khác	47.746.911.200	(2.117.656.485)	45.629.254.715	21.680.052.887	(2.205.626.055)	19.474.426.832
	<u>60.819.219.316</u>	<u>(13.367.763.347)</u>	<u>47.451.455.969</u>	<u>35.757.551.809</u>	<u>(11.249.421.818)</u>	<u>24.508.129.991</u>
Phải thu khác:						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	506.381.220	(506.381.220)	-	-	-	-
Các bên khác	4.968.574.036	-	4.968.574.036	1.419.352.954	-	1.419.352.954
	<u>5.474.955.256</u>	<u>(506.381.220)</u>	<u>4.968.574.036</u>	<u>1.419.352.954</u>	<u>-</u>	<u>1.419.352.954</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

## 9 HÀNG TỒN KHO

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Nguyên vật liệu	7.794.019.318	8.944.132.721
Phụ tùng và vật tư thay thế	39.273.203.767	38.941.701.967
Công cụ, dụng cụ	3.269.611.359	2.611.097.148
	<u>50.336.834.444</u>	<u>50.496.931.836</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.998.236.289)	-
	<u><u>47.338.598.155</u></u>	<u><u>50.496.931.836</u></u>

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập trong năm	2.998.236.289	-
	<u>2.998.236.289</u>	<u>-</u>
Số dư cuối năm	<u><u>2.998.236.289</u></u>	<u><u>-</u></u>

## 10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

## (a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Bảo hiểm tài sản	633.766.232	-
Thuê nhà kho	511.665.000	-
	<u>1.145.431.232</u>	<u>-</u>

## (b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	2.257.527.253	1.042.750.211
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.877.804.087	3.645.062.502
	<u>5.135.331.340</u>	<u>4.687.812.713</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC (TIẾP THEO)**

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	4.687.812.713	6.862.035.730
Tăng	5.566.357.831	6.741.559.651
Phân bổ trong năm	(5.118.839.204)	(8.915.782.668)
Số dư cuối năm	<u>5.135.331.340</u>	<u>4.687.812.713</u>

**11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa (*)	6.786.821.335	-
Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách Nhà nước	-	18.248.000
	<u>6.786.821.335</u>	<u>18.248.000</u>

Đây là số thuế giá trị gia tăng đầu ra đối với các đại lý tàu biển nước ngoài, được hưởng thuế suất 0%, tuy nhiên Công ty đã phát hành hóa đơn, kê khai và nộp ngân sách nhà nước theo thuế suất 10% trong giai đoạn từ năm 2009 đến năm 2013. Trong năm, Công ty ký các biên bản điều chỉnh hóa đơn với các đại lý tàu biển, phát hành lại hóa đơn và nộp các tờ khai thuế giá trị gia tăng điều chỉnh; đồng thời khi nhận số thuế giá trị gia tăng nộp thừa là một khoản phải thu từ ngân sách nhà nước. Theo Công văn số 1331/CT-TTHT ngày 27 tháng 2 năm 2017 của Cục thuế tỉnh Quảng Ninh, Công ty sẽ thực hiện xử lý số thuế nộp thừa theo Điều 33, Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài chính, theo hướng bù trừ tự động với số tiền phải nộp của lần nộp tiếp theo; nếu còn sẽ gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế đến cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được giải quyết hoàn thuế. Số thuế được bù trừ hoặc hoàn phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể có chênh lệch so với số liệu được trình bày trong các báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VNĐ	Máy móc, thiết bị VNĐ	Phương tiện vận tải VNĐ	Thiết bị quản lý VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	173.004.293.411	104.601.891.343	321.349.656.470	12.138.787.925	611.094.629.149
Mua trong năm	145.454.545	2.786.300.000	-	78.957.000	3.010.711.545
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>173.149.747.956</b>	<b>107.388.191.343</b>	<b>321.349.656.470</b>	<b>12.217.744.925</b>	<b>614.105.340.694</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(83.082.824.354)	(41.398.386.536)	(143.026.722.094)	(11.590.199.712)	(279.098.132.696)
Khấu hao trong năm	(5.357.751.457)	(6.714.072.441)	(23.613.386.429)	(205.536.610)	(35.890.746.937)
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>(88.440.575.811)</b>	<b>(48.112.458.977)</b>	<b>(166.640.108.523)</b>	<b>(11.795.736.322)</b>	<b>(314.988.879.633)</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	89.921.469.057	63.203.504.807	178.322.934.376	548.588.213	331.996.496.453
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</b>	<b>84.709.172.145</b>	<b>59.275.732.366</b>	<b>154.709.547.947</b>	<b>422.008.603</b>	<b>299.116.461.061</b>

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 53.901.072.534 VNĐ (31.12.2015: 38.356.002.836 VNĐ).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)****(b) Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm VNĐ
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	4.050.000.000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>4.050.000.000</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	(1.532.614.340)
Khấu hao trong năm	(524.791.656)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>(2.057.405.996)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	2.517.385.660
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u><u>1.992.594.004</u></u>

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 35.000.000 VNĐ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 35.000.000 VNĐ).

**13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Dự án kho bãi hàng hóa đòi thượng lưu bến một	31.941.012.224	19.084.550.224
Dự án kho 4200m <sup>2</sup> đòi trong bến một	2.298.399.091	2.298.399.091
Dự án khác	866.542.843	236.076.607
	<u>35.105.954.158</u>	<u>21.619.025.922</u>

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	21.619.025.922	15.115.306.285
Tăng trong năm	13.486.928.236	17.084.282.196
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(10.580.562.559)
Số dư cuối năm	<u>35.105.954.158</u>	<u>21.619.025.922</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

14 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị sau dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá trị sau dự phòng VNĐ
(a) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	2.207.213.772	(2.207.213.772)	-	2.207.213.772	(2.000.000.000)	207.213.772
(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản	156.918.438.000	-	156.918.438.000	110.000.000.000	-	110.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	1.015.739.351	(664.475.351)	351.264.000	1.015.739.351	-	1.015.739.351
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam	1.105.704.043	(525.704.043)	580.000.000	1.105.704.043	-	1.105.704.043
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	24.550.600.000	(24.550.600.000)	-	24.550.600.000	(24.550.600.000)	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	8.059.638.000	(8.059.638.000)	-	8.059.638.000	-	8.059.638.000
	<u>191.650.119.394</u>	<u>(33.800.417.394)</u>	<u>157.849.702.000</u>	<u>144.731.681.394</u>	<u>(24.550.600.000)</u>	<u>120.181.081.394</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>193.857.333.166</u></b>	<b><u>(36.007.631.166)</u></b>	<b><u>157.849.702.000</u></b>	<b><u>146.938.895.166</u></b>	<b><u>(26.550.600.000)</u></b>	<b><u>120.388.295.166</u></b>

(c) Chi tiết các khoản đầu tư

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Vốn điều lệ VNĐ	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn điều lệ VNĐ	Giá trị đầu tư VNĐ	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc	8.500.000.000	2.207.213.772	23,53%	8.500.000.000	2.207.213.772	23,53%
Tổng Công ty Rau quả - Nông sản (*)	713.000.000.000	156.918.438.000	12,23%	713.000.000.000	110.000.000.000	12,23%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	11.750.000.000.000	1.015.739.351	0,01%	11.750.000.000.000	1.015.739.351	0,01%
Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam	141.621.300.000	1.105.704.043	0,71%	141.621.300.000	1.105.704.043	0,71%
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	365.050.000.000	24.550.600.000	12,33%	365.050.000.000	24.550.600.000	12,33%
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao Hạ Long	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%	60.000.000.000	8.059.638.000	13,43%

(\*) Theo hợp đồng mua lại cổ phần ký ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty sẽ nhận chuyển nhượng 8.717.691 cổ phần của Tổng Công ty Rau quả - Nông sản (tương đương 12,23% vốn cổ phần) với giá trị là 156.918.438.000 VNĐ. Công ty đã thanh toán 110.000.000.000 VNĐ trong năm 2015 và phần còn lại trong năm 2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Bên thứ ba (*)	28.134.792.960	11.940.523.578
Công ty Cổ phần Thể thao T&T (Thuyết minh 39(b))	-	7.500.000.000
	<u>28.134.792.960</u>	<u>19.440.523.578</u>

Chi tiết cho các nhà cung cấp chiếm từ 10% trở lên trong tổng phải trả người bán:

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Đại lý Hàng hải Quảng Ninh	14.640.725.987	-
Công ty TNHH Huy Mạnh	5.273.410.349	3.167.035.664
Công ty khác	8.220.656.624	8.773.487.914
	<u>28.134.792.960</u>	<u>19.440.523.578</u>

**16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thép Đặc biệt Shengli Việt Nam	1.593.825.145	10.660.049.525
Công ty Cổ phần OTRAN LOGISTICS Miền Bắc	-	2.219.271.902
Công ty khác	1.222.107.007	7.067.232.828
	<u>2.815.932.152</u>	<u>19.946.554.255</u>

**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Thuế GTGT	1.580.241.899	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	10.242.157.534	7.666.540.467
Thuế thu nhập cá nhân	14.376.590	16.813.176
	<u>11.836.776.023</u>	<u>7.683.353.643</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**18 PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	VND	Trình bày lại - Thuyết minh 42 VND
Phải trả người lao động	29.478.901.289	25.770.574.985

Đây là khoản phải trả người lao động còn lại từ quỹ lương thực hiện năm 2016 theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Khoản này sẽ được chi trả hết cho người lao động trước ngày 31 tháng 3 năm 2017.

**19 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quang Minh	1.320.000.000	-
Công ty CJ INTERNATIONAL ASIA PTE LTD	565.682.213	-
Khác	100.000.000	-
	<u>1.985.682.213</u>	<u>-</u>

**20 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<b>31.12.2016</b>	<b>31.12.2015</b>
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	3.426.986.920	-

Biến động của doanh thu chưa thực hiện trong năm như sau:

	<b>Từ 1.1.2016</b>	<b>Từ 1.1.2015</b>
	<b>đến 31.12.2016</b>	<b>đến 31.12.2015</b>
	VND	VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng	9.758.892.960	-
Phân bổ trong năm	(6.331.906.040)	-
Số dư cuối năm	<u>3.426.986.920</u>	<u>-</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**21 PHẢI TRẢ NGÁN HẠN KHÁC**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Kinh phí công đoàn	63.666.520	353.935.540
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 28)	60.075.157	-
Tiền thuê cơ sở hạ tầng (*)	43.477.324.903	8.360.345.134
Khác	724.091.517	721.962.781
	<u>44.325.158.097</u>	<u>9.436.243.455</u>

(\*) Chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5,6,7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.

**22 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGÁN HẠN**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 Trình bày lại - Thuyết minh 42 VNĐ
Dự phòng quỹ tiền lương	<u>8.399.454.817</u>	<u>17.803.149.776</u>

Đây là khoản trích lập quỹ dự phòng tiền lương để chi trả cho người lao động trong trường hợp có sự suy giảm về doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm sau. Dự phòng được trích lập theo tỷ lệ 8,2% (năm 2015: 17%) quỹ lương thực hiện của năm hiện hành.

Biến động của dự phòng quỹ tiền lương trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	17.803.149.776	11.518.059.988
Chi trả trong năm	(486.393.657)	-
Hoàn nhập trong năm	(17.316.756.119)	-
Trích lập thêm trong năm	8.399.454.817	6.285.089.788
Số dư cuối năm	<u>8.399.454.817</u>	<u>17.803.149.776</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**23 QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.321.956.046	1.110.812.061

Biến động của quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	1.110.812.061	2.955.116.221
Trích lập quỹ từ lợi nhuận sau thuế (Thuyết minh 27) (*)	3.809.101.310	40.293.244
Quỹ nhận thêm từ Vinalines (**)	7.000.000	-
Sử dụng quỹ	(1.604.957.325)	(1.884.597.404)
Số dư cuối năm	3.321.956.046	1.110.812.061

(\*) Việc trích lập quỹ được căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2016/NQ-ĐHCD ngày 15 tháng 4 năm 2016.

(\*\*) Tiền thưởng nhận được từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam (Vinalines) theo Quyết định số 245/QĐ – CĐHHVN ngày 16 tháng 3 năm 2016.

**24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.502.496.000	-

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập thêm trong năm	9.502.496.000	-
Chi trả trong năm	-	-
Số dư cuối năm	9.502.496.000	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**25 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Số liệu sau bù trừ như sau:

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng	1.900.499.200	-
	<u>2016</u> VNĐ	<u>2015</u> VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Thuyết minh 37)	1.900.499.200	-
Số dư cuối kỳ	<u>1.900.499.200</u>	<u>-</u>

Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh liên quan tới chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc trích lập trong năm 2016 (Thuyết minh 24).

**26 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	31.12.2016 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2015 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	50.049.936	50.049.936
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	50.049.936	50.049.936
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>50.049.936</u>	<u>50.049.936</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31.12.2016		31.12.2015	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T	49.212.432	98,33%	49.060.387	98,02%
Vốn góp của cán bộ công nhân viên	837.504	1,67%	989.549	1,98%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>50.049.936</u>	<u>100%</u>	<u>50.049.936</u>	<u>100%</u>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ trên một cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH

Mẫu số B 09 - DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

27 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	500.499.360.000	6.710.116.642	507.209.476.642
Lợi nhuận trong kỳ	-	36.628.549.279	36.628.549.279
Trích vào quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 23) (*)	-	(40.293.244)	(40.293.244)
Chia cổ tức (*)	-	(4.454.316.167)	(4.454.316.167)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	500.499.360.000	38.844.056.510	539.343.416.510
Lợi nhuận trong kỳ	-	57.119.269.723	57.119.269.723
Trích vào quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 23) (*)	-	(3.809.101.310)	(3.809.101.310)
Chia cổ tức (*)	-	(35.034.955.200)	(35.034.955.200)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	500.499.360.000	57.119.269.723	557.618.629.723

(\*) Việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi và chia cổ tức được thực hiện theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/2016/NQ-ĐHCD ngày 15 tháng 4 năm 2016 (cùng kỳ 2015 thực hiện theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 22 tháng 4 năm 2015).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**28 CỐ TỨC**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Cố tức phải trả trong năm	35.034.955.200	4.454.316.167
Cố tức đã chi trả bằng tiền	(34.974.880.043)	(4.454.316.167)
	<u>60.075.157</u>	<u>-</u>
Số dư cuối kỳ (Thuyết minh 21)	<u>60.075.157</u>	<u>-</u>

**29 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	2016	2015 (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	57.119.269.723	36.628.549.279
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VNĐ) (*)	-	(3.809.101.310)
	<u>57.119.269.723</u>	<u>32.819.447.969</u>
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	50.049.936	50.049.936
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>1.141</u>	<u>656</u>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty chưa có kế hoạch điều chỉnh trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông trong kỳ.

(\*\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2015 đã được tính lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC đối với trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2015 nhưng được quyết định trong năm 2016, như sau:

	<u>Năm tài chính kết thúc ngày 31.12.2015</u>		
	Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	36.628.549.279	(3.809.101.310)	32.819.447.969
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	<u>50.049.936</u>	-	<u>50.049.936</u>
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>732</u>		<u>656</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**30 CÁC KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ 132.512 Đô la Mỹ (2015: 728.394 Đô la Mỹ).

**31 DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Phí bốc xếp	232.140.977.278	253.011.984.584
Phí cầu bến	68.343.174.959	59.866.512.952
Tiền hàng hoá qua cảng	21.246.304.559	18.519.087.797
Tiền vận chuyển hàng	23.940.408.793	30.015.162.161
Lưu kho, bãi	27.402.828.439	21.041.610.663
Các dịch vụ khác	43.130.098.829	38.561.471.014
	<u>416.203.792.857</u>	<u>421.015.829.171</u>

**32 GIÁ VỐN DỊCH VỤ ĐÃ CUNG CẤP**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân công	74.821.471.517	94.152.072.506
Chi phí bốc xếp, lai dắt	57.006.932.932	83.251.658.883
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng(*)	70.297.818.440	22.550.420.324
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.766.703.411	44.772.203.973
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19.265.964.539	25.098.572.095
Chi phí điện nước	8.107.988.204	9.464.746.925
Chi phí sửa chữa	8.155.240.815	16.493.708.235
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.998.236.289	-
Chi phí khác	8.153.818.908	10.465.079.273
	<u>284.574.775.055</u>	<u>306.248.462.214</u>

(\*) Chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5,6,7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.

**33 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.422.055.453	2.197.500.650
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	408.647.845	1.185.450.887
Cổ tức từ Vinalines Logistics Việt Nam	60.000.000	-
	<u>1.890.703.298</u>	<u>3.382.951.537</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****34 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>
Lãi tiền vay	-	346.030.001
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	298.355.163	190.463.937
Dự phòng đầu tư tài chính	9.457.031.166	8.586.672.493
	<u>9.755.386.329</u>	<u>9.123.166.431</u>

**35 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí nhân công	27.504.271.926	31.512.811.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	648.835.182	771.447.843
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.154.194.250	2.285.588.323
Chi phí thuê đất	1.085.812.200	999.696.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.105.694.443	1.814.843.606
Chi phí dự phòng	13.713.054.222	11.494.108.892
Chi phí quảng cáo	9.152.574.944	7.025.719.309
Chi phí khác	3.745.396.887	6.547.068.319
	<u>58.109.834.054</u>	<u>62.451.284.281</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

## 36 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Thu nhập khác		
Thưởng làm tàu nhanh	3.333.038.431	172.429.159
Thu tiền phạt bồi thường (*)	2.419.721.220	50.072.727
Tiền trích thừa thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	-	2.088.843.229
Thu nhập khác	222.790.644	320.376.156
	<u>5.975.550.295</u>	<u>2.631.721.271</u>
Chi phí khác		
Chi phí tiền phạt hành chính	(64.767.248)	(77.389.239)
Chi phí phạt chậm nộp thuế cơ sở hạ tầng	-	(2.167.170.384)
Chi phí khác	(9.353.401)	(1.623.677)
	<u>(74.120.649)</u>	<u>(2.246.183.300)</u>
	<u>5.901.429.646</u>	<u>385.537.971</u>

(\*) Bao gồm một khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ trị giá 506.381.220 VNĐ được thu từ Công ty Quang Minh theo phán quyết của bản án số 12/2015/DSST ngày 3 tháng 12 năm 2015 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hạ Long và khoản phí bảo hiểm trị giá 1.913.340.000 VNĐ theo phán quyết của bản án số 01/2016/DSST ngày 3 tháng 12 năm 2015 của Tòa án Nhân dân Tỉnh Quảng Ninh về vụ kiện giữa Công ty và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm PETROLIMEX về việc giải quyết nghĩa vụ nợ của Bảo hiểm PJICO với Công ty. Khoản lãi phải thu từ Công ty Quang Minh đã được ghi nhận là một khoản phải thu, sau đó đã lập dự phòng 100% (Thuyết minh 8). Khoản phí bảo hiểm phải thu từ Bảo hiểm PJICO đã được thu hồi trong năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**37 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2015: 22%) như sau:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	71.556.530.363	46.961.405.753
Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%)	14.311.306.073	10.331.509.266
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(12.000.000)	-
Chi phí không được khấu trừ	137.954.567	1.347.208
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	14.437.260.640	10.332.856.474
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	16.337.759.840	10.332.856.474
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 25)	(1.900.499.200)	-
	14.437.260.640	10.332.856.474

(\*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**38 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
Chi phí nhân công	102.325.743.443	125.664.884.435
Chi phí bốc xếp, lai dắt	57.006.932.932	83.251.658.883
Chi phí thuê cơ sở hạ tầng	70.297.818.440	22.550.420.324
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.415.538.593	45.543.651.816
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.420.158.789	27.384.160.418
Chi phí điện nước	8.107.988.204	9.464.746.925
Chi phí sửa chữa	8.155.240.815	16.493.708.235
Chi phí khác	39.954.587.893	38.346.515.459
	342.684.009.109	368.699.746.495

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**39 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty được kiểm soát bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T ("Công ty mẹ") do chiếm 98,33% vốn điều lệ của Công ty.

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	2016 VNĐ	2015 VNĐ
<b>i) Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T		
- Công ty mẹ	13.882.519.595	-
Công ty TNHH Nông nghiệp T&T		
- Công ty liên kết	3.251.048.097	-
Tổng Công ty Rau quả, Nông sản		
- Công ty liên kết	11.854.120.252	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu rau quả I		
- Công ty liên kết	1.284.179.246	-
	<u>30.271.867.190</u>	<u>-</u>
<b>ii) Mua dịch vụ</b>		
Công ty CP Thể thao T&T - Công ty liên kết	9.090.909.090	-
	<u>9.090.909.090</u>	<u>-</u>
<b>iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</b>		
Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng	2.885.953.968	2.839.790.464
Hội đồng Quản trị	801.000.000	338.477.139
Ban Kiểm soát	388.800.000	179.455.998
	<u>4.075.753.968</u>	<u>3.357.723.601</u>
<b>iv) Hoạt động tài chính</b>		
Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T - Công ty mẹ		
Ký gửi vốn	115.500.000.000	-
Thu hồi khoản ký gửi vốn	(35.500.000.000)	-
Lãi ký gửi vốn	975.882.521	-
	<u>115.500.000.000</u>	<u>-</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG QUẢNG NINH**

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****39 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)****(b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan**

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
i) <b>Các khoản đầu tư ngắn hạn</b> Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T – Công ty mẹ (Thuyết minh 4)	80.000.000.000	-
ii) <b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b> Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Rau Quả I – Công ty liên kết (Thuyết minh 5)	1.412.597.171	-
iii) <b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b> Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T – Công ty mẹ (Thuyết minh 7)	648.777.778	-
iv) <b>Phải trả người bán ngắn hạn</b> Công ty Cổ phần Thể thao T&T – Công ty liên kết (Thuyết minh 15)	-	7.500.000.000

**40 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty chỉ có một loại hình kinh doanh duy nhất như mô tả tại Thuyết minh 1 và có một địa bàn kinh doanh duy nhất tại Số 1 đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

**41 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	31.12.2016 VNĐ	31.12.2015 VNĐ
Dưới 1 năm	25.937.999.526	18.870.000.222
Từ 1 đến 5 năm	102.876.200.652	95.166.422.359
Trên 5 năm	342.180.532.501	366.259.055.760
<b>Tổng cộng</b>	<b>470.994.732.679</b>	<b>480.295.478.341</b>

Cam kết thuê hoạt động thể hiện cam kết cho chi phí thuê kết cấu hạ tầng cầu 5,6,7 tại bến Cảng Cái Lân theo hợp đồng số 01/2014/HĐT ký kết với Cục Hàng hải Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**42 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

Mã số	Chỉ tiêu	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015		
		Theo báo cáo năm trước VND	Phân loại lại VND	Số liệu trình bày lại VND
252	Đầu tư vào công ty liên kết (*)		2.207.213.772	2.207.213.772
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (*)	146.938.895.166	(2.207.213.772)	144.731.681.394
314	Phải trả người lao động (**)	43.573.724.761	(17.803.149.776)	25.770.574.985
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn (**)	-	17.803.149.776	17.803.149.776

(\*) Phân loại lại khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vinalines Đông Bắc từ khoản mục đầu tư khác sang khoản mục đầu tư vào công ty liên kết.

(\*\*) Phân loại lại khoản dự phòng quỹ tiền lương từ khoản mục phải trả người lao động sang khoản mục dự phòng phải trả ngắn hạn.

Các báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 31 tháng 3 năm 2017.

Nguyễn Thị Quỳnh  
Người lập

Phạm Quang Trường  
Phó phòng kế toán



Bùi Quang Đạo  
Tổng Giám đốc